



KẾT QUẢ CÔNG NHẬN BẢNG A

(Đính kèm Thông báo số 228-TB/TĐTN ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Thành Đoàn về việc công bố kết quả công nhận các danh hiệu và Chương trình tổng kết, trao giải Hội thi Phụ trách Đội giới Thành phố - “Olympic Cánh én” lần thứ 15 - Năm 2026 và kỷ niệm Hành trình 15 mùa Cánh én)

1. Công nhận Danh hiệu “Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội giới Thành phố Hồ Chí Minh”:

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A001	Vũng Tàu	Nguyễn Thị Thúy Ái	Tiểu học Hòa Bình	27	22,25	6,5	28,75	11	14	80,75
A002	Bình Quới	Đỗ Thị Ngọc Ái	THCS Cù Chính Lan	21,5	20,25	7,75	28	13,75	15,5	78,75
A003	Tân Thới Hiệp	Nguyễn Trường An	Tiểu học Võ Thị Sáu	23,5	19,5	8,25	27,75	13	15,25	79,5
A004	Vũng Tàu	Nguyễn Đình Thụy An	Tiểu học Thắng Tam	26	20,5	6	26,5	11,5	14,5	78,5
A005	Đông Thạnh	Lê Phước An	Trường Tiểu học Võ Văn Thặng	25,5	20,25	9,5	29,75	12,75	16,5	84,5
A006	Nhà Bè	Nguyễn Huỳnh Bình An	THCS Phước Lộc	21,5	21,5	8,25	29,75	12,5	15,5	79,25
A007	Bà Điểm	Huỳnh Nguyễn Thành An	Tiểu học Mỹ Huệ	28	21,25	8,25	29,5	12	16,125	85,625
A012	Tân Sơn Hòa	Trần Vũ Anh	TH Lê Văn Sỹ	28,5	23	8	31	13,75	15,5	88,75
A013	Vũng Tàu	Nguyễn Thị Vân Anh	Tiểu học Bàu Sen	24,5	19,75	5,5	25,25	10,75	14	74,5
A015	Bình Trị Đông	Trần Tuấn Anh	TH Bình Trị 1	26	20,25	8	28,25	10,75	15,25	80,25
A017	Thạnh An	Đinh Thị Vân Anh	Tiểu học Thạnh An	24,5	19,75	8	27,75	12	15,5	79,75
A018	Tân Định	Phạm Thị Hoàng Anh	TH Trần Khánh Dư	25	21	6	27	10,75	16	78,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A019	Hạnh Thông	Đỗ Thị Vân Anh	TH Hạnh Thông	24	19,25	8	27,25	13	15,5	79,75
A020	Bà Điểm	Lê Quốc Anh	Trường THCS Xuân Thới Thượng	22	20,75	8	28,75	12,875	15,875	79,5
A022	Vĩnh Lộc	Phạm Văn Thanh Ân	TH Vĩnh Lộc 1	23,5	21,75	6,75	28,5	11,75	14	77,75
A024	An Thới Đông	Dương Hoài Bảo	THCS Lý Nhơn	26	21,25	6,25	27,5	12	15,25	80,75
A025	Tam Bình	Nguyễn Quốc Bảo	THCS Bình Chiểu	21	21,25	6,25	27,5	12,75	18,25	79,5
A029	Tân Khánh	Trần Hoài Bảo	TH Tân Vĩnh Hiệp A	28	22,25	9	31,25	12	16	87,25
A030	Phú Giáo	Chu Thị Bích	TH Phước Vĩnh A	26,5	19	8	27	13,5	17	84
A031	Cần Giờ	Nguyễn Thanh Bình	TH Hòa Hiệp	24,5	19,5	8,25	27,75	13,5	15,25	81
A035	Thới An	Nguyễn Hoàng Vĩ Cầm	Tiểu học Kim Đồng	24	19,5	9,5	29	11,75	14,75	79,5
A036	Phước Long	Lê Nguyễn Chánh	TH THCS & THPT Ngô Thời Nhiệm	26	20,25	8	28,25	13,25	17,5	85
A037	An Hội Tây	Huỳnh Ngọc Chấn	TH Đặng Thùy Trâm	24,5	20,75	6,5	27,25	12,5	16,25	80,5
A039	Đông Hưng Thuận	Nguyễn Thị Mỹ Châu	TH Nguyễn Du	21,5	20,5	8,25	28,75	14	18,25	82,5
A040	Phú Thọ	Dương Phúc Chí	TH Quyết Thắng	27	21,25	8,75	30	13,75	17,25	88
A041	Phú Nhuận	Lâm Minh Chí	Tiểu học Nguyễn Đình Chính	27,5	21,75	9,25	31	13,25	17	88,75
A042	Chánh Hưng	Trần Trường Chinh	TH Lý Nhân Tông	21,5	21	8,25	29,25	11	15,25	77
A044	Xuân Hòa	Phạm Nguyên Chương	THCS Colette	24,5	19,75	7,25	27	12	14	77,5
A045	An Phú Đông	Trần Văn Công	Tiểu học Hà Huy Giáp	25	21,25	8	29,25	12	17	83,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trông, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A046	Vũng Tàu	Phan Đình Cường	Tiểu học Hạ Long	22	19,5	8,5	28	11,25	14,25	75,5
A047	Đông Thạnh	Nguyễn Hùng Cường	Trường THCS Phan Đăng Lưu	24,5	18,25	9,5	27,75	13	16,5	81,75
A048	Phước Long	Nguyễn Tấn Cường	TH Bùi Văn Mới	26,5	22,5	8,75	31,25	12,75	16,25	86,75
A049	Bình Trị Đông	Huỳnh Minh Cường	TH Bình Trị Đông A	22,5	22,25	8,75	31	12	16,5	82
A050	Tân Nhựt	Phan Hùng Cường	TH Tân Túc 2	25	20,75	9	29,75	13,25	14,25	82,25
A051	Gia Định	Nguyễn Ngô Quốc Cường	THCS Hà Huy Tập	29,5	23,5	9,5	33	11	14	87,5
A052	Thủ Dầu Một	Nguyễn Mạnh Cường	Trường TH Phú Thọ	22,5	18	9,5	27,5	11	14,75	75,75
A053	Phước Hải	Nguyễn Thị Kiều Diễm	THCS Minh Đạm	22	21	7,5	28,5	12,25	18,25	81
A055	Tây Thạnh	Lê Trần Khánh Du	TH Lê Lai	25	22,75	8,25	31	13,75	14	83,75
A057	Đất Đỏ	Mai Ngọc Phương Dung	THCS Long Tân	24,5	20,5	7,5	28	11,5	16,75	80,75
A060	Nhà Bè	Nguyễn Tăng Ngọc Dung	Tiểu học Lê Quang Định	22	19,25	6,5	25,75	12,5	14,25	74,5
A062	Rạch Dừa	Vũ Thị Dung	TH Bình Minh	26,5	20,5	7,5	28	11	18,25	83,75
A063	Dĩ An	Lê Văn Dũng	TH Nhị Đồng	23	18,5	9,5	28	11,5	15,5	78
A067	Bình Hưng Hòa	Lê Nguyễn Vĩnh Duy	TH Bình Hưng Hòa	24,5	20,25	8	28,25	11	15	78,75
A072	Nhuận Đức	Văn Thị Mỹ Duyên	THCS Trung Lập Hạ	24,5	18	7,75	25,75	13	14	77,25
A073	An Phú Đông	Lê Ngọc Ánh Dương	THCS Trần Hưng Đạo	24,5	22,5	7,5	30	13,5	14,5	82,5
A075	Bình Hưng	Lưu Trùng Dương	THCS Phong Phú	24,5	21,25	6,25	27,5	10,5	15	77,5
A076	Trung Mỹ Tây	Nguyễn Thị Linh Đà	Tiểu học Hồ Văn Thanh	23,5	19,5	7,5	27	12	14,75	77,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A078	An Nhơn	Nguyễn Văn Bạc	THCS An Nhơn	25	18,5	7,5	26	12	14,25	77,25
A079	Bình Thạnh	Phạm Tấn Đạt	TH Nguyễn Đình Chiểu	28,5	21,25	8,5	29,75	12,75	15,75	86,75
A081	Tân An Hội	Trần Anh Đạt	TH Lê Thị Pha	24,5	20,5	8	28,5	11,75	14	78,75
A083	An Hội Tây	Nguyễn Tấn Đạt	THCS Tân Sơn	28	20,5	8,5	29	15	14	86
A086	Bình Tân	Tổng Bá Đăng	Tiểu học Ngô Quyền	27	22,5	9	31,5	14	17	89,5
A087	Phú Lâm	Đặng Hải Đăng	TH Lam Sơn	29,5	HĐHL	HĐHL	HĐHL	14,25	18,25	Đạt
A094	Vĩnh Tân	Nguyễn Văn Đồng	THCS Tân Bình	23	21	9	30	13	14,5	80,5
A095	Bến Cát	Hà Huy Đồng	TH Trần Quốc Tuấn	22,5	19,25	9,5	28,75	12	14,75	78
A101	Bà Điểm	Lê Quốc Em	Trường THCS Hà Huy Tập	23	18	9,5	27,5	12,5	14,875	77,875
A104	Thủ Đức	Mai Hoàng Giang	THCS Lê Văn Việt	23,5	20,5	9,5	30	11,25	15	79,75
A109	Tân Thới Hiệp	Trần Thị Hà	THCS Nguyễn Huệ	25,5	22	7,75	29,75	13	15,75	84
A113	Tăng Nhơn Phú	Nguyễn Thị Hà	Tiểu học Lê Văn Việt	25,5	19	9,25	28,25	11	14	78,75
A114	Củ Chi	Nguyễn Thị Hà	THCS Thị Trấn	24,5	19	9,25	28,25	13,5	17	83,25
A116	Bình Trị Đông	Lê Nguyễn Tuấn Hải	TH Bình Trị Đông	26	HĐHL	HĐHL	HĐHL	13	15,25	Đạt
A118	Phước Hòa	Luong Thị Hạnh	TH Vĩnh Hòa A	25	19,75	7	26,75	12	18	81,75
A119	Tân Hải	Lê Thị Thúy Hằng	TH Trần Quốc Toàn	23,5	18,25	6,5	24,75	11,5	14,5	74,25
A122	Bình Trị Đông	Bùi Thị Cẩm Hằng	THCS Bình Trị Đông A	24	19,5	7	26,5	12,5	15,25	78,25
A125	Xuân Hòa	Đỗ Thúy Hằng	THCS Colette	23	20	7,5	27,5	15	14	79,5
A126	Tân Phú	Vũ Ngọc Thanh Hằng	TH Huỳnh Văn Chính	21,5	19	7,25	26,25	12,5	16,25	76,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A127	Tây Nam	Nguyễn Thị Việt Hằng	Tiểu học Bến Súc	26	22,5	7	29,5	11,5	14	81
A132	An Hội Đông	Đặng Trung Hậu	TH Phan Chu Trinh	23,5	23,25	8,75	32	15	18	88,5
A133	Châu Pha	Nguyễn Văn Hậu	TH Châu Pha B	26	19,75	7	26,75	12	15	79,75
A138	Củ Chi	Hà Thị Hiếu	TH Nguyễn Thị Lăng	22	21	7	28	12	15,75	77,75
A141	Hòa Hưng	Đoàn Thị Hồng Hoa	TiH Lê Thị Riêng	25,5	17,5	7,25	24,75	11,5	14	75,75
A142	Cầu Ông Lãnh	Phạm Thị Kim Hoa	THCS Đức Trí	26	20,25	6,75	27	11	16	80
A144	Bến Thành	Trần Viên Hoà	TH Nguyễn Thái Học	29,5	22	8,5	30,5	13	17,25	90,25
A145	Tân Thới Hiệp	Hoàng Việt Hòa	Tiểu học Lê Văn Thọ	21	17,5	8,25	25,75	13	14,75	74,5
A147	Phú Giáo	Nguyễn Văn Hoài	THCS Trần Hưng Đạo	22,5	20	7	27	12,5	14	76
A148	Thủ Đức	Bùi Thị Hương Hoàn	THCS Trường Thọ	25	19,5	8	27,5	12,25	15,25	80
A155	Phú Nhuận	Trần Văn Học	THCS Ngô Tất Tố	23,5	20	6,25	26,25	10,5	17,25	77,5
A158	Vũng Tàu	Phạm Thị Diễm Hồng	THCS Thắng Nhì	21	19	5,5	24,5	10,75	14	70,25
A163	Gia Định	Nguyễn Vũ Hùng	TH Hà Huy Tập	26	21,5	7	28,5	11	14	79,5
A169	Đất Đỏ	Phạm Thị Thu Huyền	THCS Đất Đỏ	27,5	17,5	9	26,5	14,25	18,25	86,5
A172	Phú Định	Tôn Thị Ngọc Huyền	TH Hồng Đức	24	19,5	9,25	28,75	11	17,5	81,25
A174	Diên Hồng	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	THCS Nguyễn Tri Phương	26	20,5	7,5	28	14	17,5	85,5
A176	Bình Đông	Ninh Thị Huyền	THCS Bình An	24	19,25	7,25	26,5	10,5	15,25	76,25
A177	Bà Điểm	Lê Thị Mỹ Huyền	Trường Tiểu học Ngã Ba Giồng	23	18,75	7,75	26,5	12,625	14,125	76,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A178	Cần Giờ	Nguyễn Duy Hưng	TH Long Thạnh	23,5	19,25	7,75	27	11,25	17	78,75
A181	Đức Nhuận	Trịnh Ngọc Hưng	TiH Sông Lô	25,5	20	7,75	27,75	11,5	14	78,75
A184	Thuận An	Nguyễn Thị Lan Hương	TH Lương Thế Vinh	22,5	21,75	5	26,75	11	14	74,25
A186	Đông Hưng Thuận	Nguyễn Thị Hương	TH Nguyễn Thị Định	26,5	19	8	27	12,5	16,75	82,75
A187	Thủ Dầu Một	Huỳnh Kim Hương	Trường TH Lê Hồng Phong	24	19	8	27	12	14,5	77,5
A189	Bình Chánh	Nguyễn Tấn Hường	Tiểu học Tân Quý Tây 3	28,5	20,25	8	28,25	14,25	14,75	85,75
A191	Tân Sơn Hòa	Nguyễn Trọng Hữu	THCS Ngô Sỹ Liên	23	18,25	8,25	26,5	12,75	15,25	77,5
A192	Tân Vĩnh Lộc	Trần Văn Khang	THCS Vĩnh Lộc B	28	16,75	8,25	25	12,5	14,75	80,25
A193	Phú Định	Trần Điền Khang	THCS Bình Đông	23,5	18,75	7,25	26	10,75	15	75,25
A197	Bình Tân	Lê Thị Ngọc Khánh	THCS Hồ Văn Long	25	19,75	7,75	27,5	13	16,25	81,75
A203	Tân An Hội	Trần Đăng Khoa	THCS Tân An Hội	24	17,75	8,25	26	11	15,25	76,25
A205	An Đông	Lê Phạm Hoàng Khôi	Tiểu học Trần Quốc Toàn	21	20	7	27	14	15,5	77,5
A207	An Nhơn Tây	Phan Hồ Quốc Khương	TH An Nhơn Tây	25	20	7,5	27,5	15	14	81,5
A208	Đức Nhuận	Lâm Gia Kiệt	TiH Cổ Loa	22,5	17,75	6,75	24,5	10,5	15	72,5
A209	Vũng Tàu	Hồ Anh Kiệt	Tiểu học Thắng Nhì	25,5	19,5	6,5	26	11,25	14,25	77
A210	Phước Hải	Trương Tuấn Kiệt	TH Phước Hội	27,5	17,75	7	24,75	11,75	17,25	81,25
A211	Tăng Nhơn Phú	Hà Quốc Kiệt	THCS Hoa Lư	25	HĐHL	HĐHL	HĐHL	11,75	15,5	Đạt
A212	Phú Nhuận	Trương Minh Kiệt	Tiểu học Vạn Tường	21	20,75	6,25	27	12,75	15,25	76

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A213	Bình Phú	Thi Đỗ Nhật Kim	Tiểu học Phù Đổng	21,5	20,25	7,25	27,5	13,75	16,75	79,5
A216	Bình Cơ	Huỳnh Ngọc Lan	THCS Hội Nghĩa	25,5	21,75	8	29,75	12	14,25	81,5
A219	Dĩ An	Nguyễn Thị Hồng Lâm	THCS Dĩ An	21,5	21,75	9	30,75	13,5	19	84,75
A220	Đông Hưng Thuận	Nguyễn Trần Lâm	THCS Phan Bội Châu	22,5	18	7,5	25,5	12,5	18,25	78,75
A224	Linh Xuân	Nguyễn Thị Thu Liên	TH Nguyễn Văn Triết	22	19	8	27	11,75	14	74,75
A227	An Lạc	Nguyễn Lê Ngọc Liên	TH Lê Công Phép	26	18	7,5	25,5	15	15,5	82
A228	Tam Bình	Trương Thị Hồng Liễu	TH Trương Văn Hải	25	18,75	7	25,75	12,5	17	80,25
A229	Long Bình	Trương Hoài Linh	Trường tiểu học Long Thạnh Mỹ	21	18,5	7,5	26	13	14,25	74,25
A230	An Thới Đông	Trương Hoài Linh	THCS An Thới Đông	21	19	8	27	11,5	14,875	74,375
A233	Bình Hưng Hòa	Mai Thị Trúc Linh	TH Phù Đổng	21,5	17,5	8	25,5	11,75	15,5	74,25
A234	Cầu Ông Lãnh	Châu Ái Linh	THCS Minh Đức	25,5	18	7,5	25,5	13	18,5	82,5
A235	Hóc Môn	Mai Thùy Linh	TH Tân Hiệp	25	21,25	7	28,25	14	14	81,25
A238	Thuận Giao	Lê Thị Thảo Linh	THCS Bình Chuẩn	22,5	20	9	29	10,5	14	76
A242	Đông Hưng Thuận	Lưu Thị Thùy Linh	TH Trương Định	22,5	18,75	8,5	27,25	12	16,75	78,5
A243	An Đông	Liêu Cẩm Linh	Tiểu học Huỳnh Kiến Hoa	27,5	17,75	8,75	26,5	15	16,5	85,5
A244	Đức Nhuận	Lê Văn Lĩnh	TiH Cao Bá Quát	29	21,5	9,25	30,75	14	19	92,75
A252	Hiệp Phước	Đặng Thanh Long	THCS Hiệp Phước	24,5	18,5	8,5	27	14	14	79,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A253	Phú Thọ Hoà	Nguyễn Ngọc Long	TH Tô Vĩnh Diện	23	21	9	30	11,75	17,75	82,5
A255	Linh Xuân	Trần Văn Tấn Lộc	TH Đỗ Tấn Phong	23,5	20,5	8,75	29,25	11,75	14,25	78,75
A259	Bà Điểm	Phạm Hữu Lộc	Trường THCS Phan Công Hớn	27	20	9,5	29,5	11,5	14	82
A260	Hưng Long	Nguyễn Tấn Lợi	Tiểu học Qui Đức	25	19,5	6	25,5	12	14	76,5
A270	Tân Sơn Nhì	Lê Ngọc Mai	TH Đinh Bộ Lĩnh	23,5	21,25	8,25	29,5	12,5	14	79,5
A272	Gò Vấp	Nguyễn Ngọc Mai	Tiểu học Trần Quang Khải	22,5	19	7,25	26,25	11,75	14,75	75,25
A277	Chợ Lớn	Quan Quốc Minh	Trường THCS Hồng Bàng	29,5	21,75	8,5	30,25	13,5	18,5	91,75
A278	Bình Lợi	Lê Nhật Minh	Trường TH Bình Lợi	26	22	8,5	30,5	12,5	15,75	84,75
A280	Bình Dương	Nguyễn Ngọc Trần Uyên My	THCS Phú Chánh	27,5	20,25	9,5	29,75	14	17	88,25
A281	Thông Tây Hội	Hà Thành Nam	THCS Thông Tây Hội	24,5	20,5	8,5	29	11	15,25	79,75
A282	Tân Thới Hiệp	Nguyễn Văn Nam	THCS Nguyễn Chí Thanh	25,5	18,5	8	26,5	12	15,25	79,25
A283	An Hội Đông	Hà Văn Nam	TH Lê Văn Thọ	26	18,5	8,5	27	12,5	14,5	80
A284	Tân Hòa	Lư Văn Nam	THCS Mạc Đĩnh Chi	23	21,5	6,5	28	13	16,25	80,25
A285	Tân Sơn Nhì	Nguyễn Phạm Hoàng Nam	THCS Đặng Trần Côn	24	20	6,5	26,5	13	15,75	79,25
A286	Tân Sơn Nhì	Nguyễn Đăng Minh	THCS Tôn Thất Tùng	26	22,25	6,5	28,75	13	14	81,75
A288	Chợ Quán	Trần Phương Nam	Tiểu học Hàm Tử	26,5	22,5	8,5	31	12,75	17,75	88
A289	Long Trường	Lư Hoa Nam	Trường Tiểu học Phước Thạnh	25,5	23,5	8	31,5	11,25	14	82,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A290	Đông Thạnh	Lâm Tuyết Nga	Trường Tiểu học Thới Tam	21	20,5	9	29,5	12	16,5	79
A292	Phường Tân Tạo	Đỗ Thị Hoàng Nga	Tiểu học Lê Quý Đôn	26,5	21,75	8	29,75	13,25	14,75	84,25
A297	Chánh Phú Hòa	Lê Khắc Ngân	THCS QUANG TRUNG	21,5	21,25	5	26,25	13,75	18	79,5
A299	An Hội Đông	Trần Anh Nghĩa	TH Lê Đức Thọ	25	20	7,5	27,5	15	14,5	82
A300	Chánh Hưng	Lý Hồng Ngọc	TH Rạch Ông	22,5	17,75	8	25,75	11,5	17	76,75
A301	Dĩ An	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	THCS Tân Đông Hiệp	22,5	20	9	29	11,75	16,75	80
A303	Bình Chánh	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Tiểu học Tân Quý Tây	21	17,75	7,25	25	12,25	14	72,25
A305	Bình Dương	Trần Thị Ngọc	THCS Hòa Phú	24	21,5	9	30,5	13	14,25	81,75
A308	Thuận Giao	Đoàn Thị Hồng Ngọc	TH Thuận Giao 2	22,5	21,75	9,5	31,25	11	14	78,75
A311	Thới An	Nguyễn Trần Thảo Nguyên	Tiểu học Trần Quốc Toản	25,5	20	7	27	10,5	14	77
A312	Đông Thạnh	Nguyễn Thị Thụy Nguyên	Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám	22,5	23,25	9,5	32,75	13,5	16,25	85
A313	Phước Long	Nguyễn Dũ Nguyên	TH Phạm Văn Chính	24	20,5	7	27,5	12,75	16	80,25
A315	Bến Thành	Quan Nguyễn Thảo Nguyên	TH Kết Đoàn	24,5	22,75	8,5	31,25	12	14	81,75
A316	An Hội Tây	Đình Thanh Hoài Nguyễn	THCS Huỳnh Văn Nghệ	21,5	20,75	8,25	29	14	14	78,5
A318	Xuân Thới Sơn	Văn Hồ Thu Nguyệt	TH Nhị Tân	24,5	20	7,5	27,5	14	15,5	81,5
A319	Tam Thắng	Nguyễn Lê Hoa Nguyệt	TH Trung Vương	25	17,25	7,5	24,75	14	16,25	80
A320	Phường Tân Tạo	Đình Ánh Nguyệt	Trường TH Bình Tân	30	24	8,75	32,75	13,5	18,25	94,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A321	Tân An Hội	Trương Thị Phi Nhạn	TH Nguyễn Văn Lịch	21	21,25	7	28,25	12	15,25	76,5
A324	Xóm Chiếu	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	THCS Khánh Hội	22,5	21	7	28	12,5	14	77
A329	Xóm Chiếu	Nguyễn Thị Hồng Nhi	TH Nguyễn Thái Bình	25	22,75	8	30,75	13	16	84,75
A331	An Lạc	Hứa Yến Nhi	TH An Lạc 3	25	21,5	7,75	29,25	15	17	86,25
A334	Phước Thành	Ngô Thị Phương Nhung	Tiểu học An Thái	21,5	21	7	28	12,75	18,75	81
A335	Bình Trưng	Trần Thị Kim Nhung	THCS Nguyễn Văn Trỗi	23	20,75	7,75	28,5	11,75	14,5	77,75
A339	Cần Giờ	Phạm Thị Quỳnh Như	TH Cần Thạnh	22,5	19,5	5,75	25,25	12	17	76,75
A342	Bình Khánh	Nguyễn Thành Như	Trường THCS Bình Khánh	21	18,25	6,5	24,75	12	14,25	72
A348	Tân Phú	Trương Công Nhựt	THCS Hoàng Diệu	24	19,25	6,5	25,75	13,5	16	79,25
A351	Tân Vĩnh Lộc	Võ Thị Mỹ Nương	TH Vĩnh Lộc B	27	18,5	8,25	26,75	13,25	14,5	81,5
A352	Bình Thạnh	Hoàng Thị Kim Oanh	THCS Lê Văn Tám	21	19,5	5	24,5	12	15	72,5
A354	Bình Tân	Nguyễn Phát	THCS Tân Tạo	27	18,25	8	26,25	13,75	17,5	84,5
A355	Bình Tây	Nguyễn Tấn Phát	TH Chi Lăng	23	21,5	8,75	30,25	12,75	15,5	81,5
A356	An Lạc	Hồ Thị Yên Phi	THCS Lê Tấn Bê	28	18,5	6	24,5	14,5	15	82
A360	Bình Thới	Lưu Hoàng Phúc	Tiểu học Lạc Long Quân	27,5	HDHL	HDHL	HDHL	13,75	18,75	Đạt
A363	Cầu Ông Lãnh	Lê Hồng Phúc	TiH Lương Thế Vinh	27	20,25	8,5	28,75	11,75	17	84,5
A369	Vĩnh Lộc	Nguyễn Tiến Phước	TH Huỳnh Văn Bánh	21	18,75	7,5	26,25	11,75	14,5	73,5
A371	Đất Đỏ	Mạc Thị Thanh Phương	TH Nguyễn Thị Hoa	24,5	20,5	5,5	26	12,75	18,5	81,75
A372	Long Nguyên	Lý Thanh Phương	TH Long Bình	26	21,25	7	28,25	12	14	80,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A373	Nhà Bè	Nguyễn Hồng Phương	THCS Lê Thành Công	26,5	20	8,75	28,75	12	15,75	83
A374	Bình Cơ	Trần Hữu Phương	TH Bình Mỹ	21,5	21,5	9	30,5	13	15,5	80,5
A376	Bình Khánh	Hoàng Thị Hằng Phương	Trường Tiểu học Bình Phước	23,5	17,75	8,5	26,25	14	14,75	78,5
A377	Bình Giã	Nguyễn Tiến Phương	THCS Hà Huy Tập	24	20	5,5	25,5	11,25	14,25	75
A378	Đông Hưng Thuận	Trịnh Văn Phương	THCS Trần Phú	28,5	18	6,5	24,5	12	16,5	81,5
A379	Thới An	Trần Thị Phương	TH Quới Xuân	26	19,5	7,75	27,25	10,75	15,5	79,5
A381	Hạnh Thông	Võ Thị Bích Phương	TH Phạm Ngũ Lão	24	20,75	8,25	29	11,75	16,75	81,5
A382	Bình Chánh	Hồ Phú Quý	Tiểu học Trần Nhân Tôn	21,5	19,5	7,5	27	12,25	15	75,75
A384	An Hội Tây	Bùi Anh Quốc	TH Lam Sơn	23	19,25	5,75	25	13	15,5	76,5
A385	Phước Thành	Kiều Nguyên Hạnh Quỳnh	Tiểu học Tân Hiệp	22,5	19,75	9	28,75	13,5	18,25	83
A386	Chánh hưng	Nguyễn Trần Như Quỳnh	THCS Trần Danh Ninh	21	20	6,25	26,25	13	15,5	75,75
A389	Phước Hòa	Trần Thị Hoài Sang	TH Phước Hòa B	22,5	21,25	9	30,25	12,25	17,5	82,5
A390	Hòa Bình	Phan Cẩm Sang	TH Trần Văn Ôn	23	21	7	28	11	14	76
A392	Thuận Giao	Nguyễn Thanh Sang	TH Bình Chuẩn 2	21,5	15,5	9	24,5	11,75	15	72,75
A393	Thái Mỹ	Trần Ngọc Sang	Trường Tiểu học Trung Lập Thượng	24	21,25	7,25	28,5	12,25	17	81,75
A397	Hưng Long	Phạm Ngọc Sĩ	TH Hưng Long	23,5	21	7,5	28,5	12	14	78
A400	Tân Vĩnh Lộc	Phạm Hữu Sơn	THCS Phạm Văn Hai	22	21,5	7,25	28,75	12,25	15,75	78,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A401	Phước Hòa	Lê Minh Sơn	TH Vĩnh Hòa B	22	22	5	27	11	17	77
A402	Bình Phú	Đỗ Như Sứ	Tiểu học Nguyễn Văn Luông	21,5	21,75	7,25	29	11,75	15,5	77,75
A405	Bình Mỹ	Nguyễn Tiến Sỹ	TH Bình Mỹ 2	21	21,5	8	29,5	14,25	15,75	80,5
A408	Long Nguyên	Nguyễn Đình Tài	TH An Sơn	27	18,5	6	24,5	11,5	14	77
A411	Phú Lâm	Nguyễn Văn Tấn	TH Đặng Nguyên Cẩn	26	HĐHL	HĐHL	HĐHL	13,75	19	Đạt
A415	Vĩnh Hội	Nguyễn Minh Tâm	TH Vĩnh Hội	21	21,25	7	28,25	11	15,5	75,75
A419	Tân Mỹ	Nguyễn Tin Tấn	Tiểu học Lê Văn Tám	21	21,5	6,75	28,25	11,5	14	74,75
A426	Bình Lợi Trung	Trần Thị Kim Thanh	THCS Yên Thế	21	20,25	6	26,25	11,75	14,25	73,25
A429	Vĩnh Lộc	Trần Thị Thanh	THCS Đồng Đen	21,5	21,25	6	27,25	11	15	74,75
A431	Xóm Chiếu	Hồ Trúc Thanh	TH Nguyễn Trường Tộ	22	18,75	7,5	26,25	12	14	74,25
A432	Bình Đông	Đỗ Thanh Thanh	TH Bông Sao	22,5	21,5	7,5	29	13	15,75	80,25
A434	An Phú Đông	Nguyễn Xuân Thành	Tiểu học Võ Thị Thù	25,5	22	7,25	29,25	14,5	14	83,25
A435	Chánh Hưng	Nguyễn Thị Như Thành	TH Hưng Phú	22	21,5	6,5	28	12,5	14,75	77,25
A436	Bình Tân	Trần Công Thành	Tiểu học Kim Đồng	21,5	20	7,75	27,75	13	15,5	77,75
A437	Bình Khánh	Nguyễn Thị Kim Thành	Trường Tiểu học Bình Mỹ	22	22,75	8	30,75	14	15,75	82,5
A439	Bình Lợi Trung	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	27	23	6,5	29,5	11,5	15,25	83,25
A440	Tân Sơn Nhì	Trương Thanh Thảo	TH Tân Sơn Nhì	22	22,25	6,75	29	11,5	15,25	77,75
A441	Tân Bình	Nguyễn Thị Loan Thảo	Trường Tiểu học Thân Nhân Trung	22	22	6,75	28,75	11,75	15	77,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A442	Tam Bình	Nguyễn Vương Phương Thảo	TH Thái Văn Lung	23	22	6,25	28,25	12,5	16,25	80
A443	Phước Long	Trần Thị Thu Thảo	TH Nguyễn Văn Bá	25,5	22	6,5	28,5	14,25	18,5	86,75
A445	Vĩnh Hội	Nguyễn Thị Phương Thảo	TH Lê Thánh Tôn	21	22,75	7	29,75	11,25	14,5	76,5
A447	Tân Phú	Nguyễn Thị Thanh Thảo	THCS Nguyễn Trãi	22	21,5	6,75	28,25	13,25	15,25	78,75
A449	Dầu Tiếng	Trần Thị Thu Thảo	Trường Tiểu học Định Thành	22,5	20,25	9	29,25	12,25	15,75	79,75
A450	Đông Hưng Thuận	Nguyễn Thị Kim Thảo	THCS Hà Huy Tập	24	22,5	7,5	30	11,25	16,25	81,5
A452	Phước Thành	Đoàn Thị Thắm	Tiểu học Phước Sang	23,5	20,75	9	29,75	12,75	18	84
A457	Phước Hải	Trần Thị Ngọc Thi	TH Phước Hải 2	23,5	16,5	8	24,5	10,5	16,75	75,25
A458	Phước Long	Đặng Bảo Thi	TH Võ Văn Hát	24,5	21	6,25	27,25	12,75	17,75	82,25
A459	Tăng Nhơn Phú	Lê Thị Diễm Thi	THCS Hiệp Phú	29	21,75	5,5	27,25	13,5	18	87,75
A460	Bình Khánh	Nguyễn Anh Thi	Trường Tiểu học Bình Khánh	23,5	20	6,5	26,5	12,75	14,25	77
A461	Bình Đông	Lê Phạm Hoài Thiên	TH An Phong	23,5	23	7,75	30,75	13,25	14,5	82
A462	Bình Châu	Trần Quốc Thiện	Tiểu học Thanh Bình	24,5	18,25	8,5	26,75	12,75	15	79
A464	Tân Đông Hiệp	Lê Văn Thiện	THCS Tân Bình	24,5	22,5	8	30,5	12,25	15,5	82,75
A465	Xóm Chiếu	Trương Hoàng Thịnh	THCS Văn Đồn	25,5	21	7,25	28,25	11	14	78,75
A469	Dĩ An	Nguyễn Văn Thoại	TH An Bình B	24,5	21	7	28	13,75	17,75	84
A471	Diên Hồng	Nguyễn Thị Hà Thu	TH Dương Minh Châu	24,5	21,25	7,25	28,5	10,5	16,5	80
A474	Linh Xuân	Sầm Đức Thuận	THCS Nguyễn Văn Bá	23,5	21,25	6,5	27,75	12,9	14	78,15

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A475	Thủ Đức	Nguyễn Hồng Thuý	TH Lương Thế Vinh	25,5	19,75	7	26,75	11,5	16	79,75
A476	Thuận An	Nguyễn Ngọc Thanh Thùy	THCS Trần Đại Nghĩa	23	23	8	31	13	15	82
A477	Long Hải	Nguyễn Thị Thủy	TH Lê Lợi	24	20,75	9	29,75	12	14	79,75
A478	Linh Xuân	Nguyễn Thị Bích Thủy	TH Hoàng Diệu	22	22,25	6,25	28,5	12	14,5	77
A481	Đông Thạnh	Nguyễn Thị Bích Thủy	Trường Tiểu học Trần Văn Danh	23,5	17,75	9	26,75	10,5	17,25	78
A484	Phước Thành	Võ Thị Hồng Thủy	THCS – THPT Nguyễn Huệ	27	21,25	9	30,25	13	16,5	86,75
A487	Tam Thắng	Trần Thị Thanh Thuý	THCS Võ Trường Toản	27	19	7	26	13,25	17	83,25
A489	Hạnh Thông	Nguyễn Thị Anh Thư	THCS Phan Văn Trị	25,5	20,75	5	25,75	13,5	18	82,75
A490	Thủ Dầu Một	Nguyễn Thị Anh Thư	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22	22	9	31	11,75	14	78,75
A496	Chánh Hưng	Nguyễn Thụy Vũ Thường	TH Âu Dương Lân	22,5	21,5	6,75	28,25	12	15,75	78,5
A497	Tam Bình	Dương Thị Mộng Thường	TH Trần Văn Vân	25,5	20,75	5	25,75	12,25	16,75	80,25
A503	Đông Hưng Thuận	Trần Thụy Thủy Tiên	TH Nguyễn Khuyến	26	19,5	6	25,5	12	15,75	79,25
A505	Bình Đông	Nguyễn Thị Kim Tiên	THCS Phan Đăng Lưu	22,5	19,75	5	24,75	12	15,75	75
A509	Bình Mỹ	Ngô Văn Tín	THCS Trung An	25,5	22	9	31	11,25	14,5	82,25
A510	Bình Dương	Nguyễn Mạnh Tín	Tiểu học Phú Tân	23,5	20,25	5	25,25	12	15,75	76,5
A513	Thông Tây Hội	Cao Văn Tới	TH Lương Thế Vinh	26,5	20,5	5,5	26	12,5	17	82
A515	Diên Hồng	Nguyễn Thị Thùy Trang	THCS Nguyễn Văn Tố	22	21	5	26	14,25	18,5	80,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trông, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A516	Phước Hải	Huỳnh Ngọc Trang	THCS Lộc An	26	18	6,5	24,5	11	16,5	78
A517	Vĩnh Hội	Phạm Thị Hồng Trang	TH Đoàn Thị Điểm	21,5	20	5	25	10,75	14	71,25
A518	An Nhơn	Nguyễn Việt Hưng	THCS Nguyễn Văn Nghi	23	22,75	6,75	29,5	12,75	15,25	80,5
A523	Nhuận Đức	Nguyễn Thị Bích Trâm	Tiểu học Phạm Văn Cội	21,5	20	6,5	26,5	13	14	75
A526	Chợ Quán	Trương Thị Ngọc Trâm	Tiểu học Bàu Sen	26	20,5	6,5	27	13	17,75	83,75
A528	Bình Lợi	Lại Thị Trân Trân	Trường THCS Bình Lợi	22	19,75	5	24,75	13,5	15,25	75,5
A530	Tam Bình	Nguyễn Trọng Trí	THCS Tam Bình	25	20,5	6	26,5	12,75	16,75	81
A531	Phước Hải	Tăng Nguyễn Quang Trí	TH Long Mỹ	23,5	19,75	8,5	28,25	10,5	15,5	77,75
A534	Thủ Dầu Một	Nguyễn Hữu Trí	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	22	21,75	7	28,75	12	14	76,75
A537	Bình Mỹ	Nguyễn Hồ Huệ Trinh	TH Trung An	22	21,75	9,5	31,25	12,75	15,75	81,75
A552	Phước Hòa	Trịnh Công Trường	THCS Vĩnh Hòa	22,5	18,75	9,5	28,25	11,25	17	79
A553	An Nhơn Tây	Lê Tấn Trường	TH Phú Mỹ Hưng	26,5	18	7	25	14,5	14	80
A556	Bình Trung	Lê Minh Tú	TH Giồng Ông Tố	23	17,5	7,5	25	12	14	74
A559	Vườn Lài	Huỳnh Minh Tuấn	TiH Hồ Thị Kỷ	26,5	22,75	9	31,75	14	15	87,25
A569	Bảy Hiền	Vũ Thanh Tùng	TH Cách Mạng Tháng Tám	21,5	20,5	6,5	27	10,75	14,125	73,375
A570	Dĩ An	Trần Quang Tuyên	TH Dĩ An C	24	21,5	9,5	31	14	18	87
A576	Đất Đỏ	Trịnh Thị Ánh Tuyết	THCS Láng Dài	23,5	18,25	8	26,25	14,5	18	82,25
A578	Tân Phước	Hoàng Thị Tư	TH Nguyễn Thị Minh Khai	25	19,75	8	27,75	12,75	16	81,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A588	Thủ Dầu Một	Huỳnh Hữu Vinh	Trường TH Chánh Mỹ	23,5	22,5	9	31,5	10,5	15	80,5
A591	Phước Hải	Trần Quốc Vũ	TH Phước Hải 1	25	18	8	26	11,25	17,25	79,5
A592	Bình Tân	Nguyễn Quang Vũ	Tiểu học Trần Văn Ôn	25	19	7	26	12	15	78
A593	Bình Tây	Trần Minh Vũ	THCS Hậu Giang	26,5	18	7	25	12,5	14,75	78,75
A594	Phú Lâm	Nguyễn Anh Vũ	TH Him Lam	25	HĐHL	HĐHL	HĐHL	10,5	17	Đạt
A599	Trung Mỹ Tây	Nguyễn Hoàng Vương	Tiểu học Võ Văn Tần	21	17,5	9,5	27	11,5	14,75	74,25
A601	Tân Sơn Nhì	Tôn Nữ Tường Vy	TH Đoàn Thị Điểm	22	21	7,25	28,25	13,25	15,25	78,75
A602	Đông Hòa	Nguyễn Thị Mai Xuân	Tiểu học Đông Hòa	27,5	18,75	9,5	28,25	12,25	18,25	86,25
A603	Chánh Hưng	Hoàng Thị Xuân	THCS Lý Thánh Tông	23,5	20,25	6,25	26,5	13	17,25	80,25
A604	Xóm Chiếu	Trương Thị Diễm Xuân	TH Xóm Chiếu	22,5	19,75	7	26,75	12	15,5	76,75
A605	Chánh Hưng	Trần Như Ý	TH Vàm Cỏ Đông	21	22,25	7,25	29,5	12	16,75	79,25
A609	Thủ Đức	Huỳnh Thị Thuý Nga	Trường TH Từ Đức	23,5	16	9,5	25,5	10,5	15	74,5
A613	Phú Lợi	Đông Thị Lợi	TH Phú Hòa 1	24	20,75	6	26,75	10,5	16	77,25
A621	Hiệp Bình	Phạm Thị Mỹ Dung	TH Linh Đông	22,5	20,75	6,5	27,25	12	14	75,75
A623	Hiệp Bình	Nguyễn Tấn Minh Vân	THCS Linh Đông	21,5	17,75	7,75	25,5	10,75	16	73,75
A630	Minh Phụng	Dương Tử Trung	TH Lê Đình Chinh	21	21,25	7,5	28,75	14	14,5	78,25
A635	Minh Phụng	Trần Minh Xuân	TH Hưng Việt	25,5	22	8,75	30,75	12	14	82,25
A638	Long Hương	Nguyễn Thanh Yên	THCS Nguyễn Trãi	21,5	19,25	6,5	25,75	14,5	15	76,75
A641	Tân Thành	Phan Thị Lâm Oanh	TH Hắc Dịch	21	19,5	8,5	28	14,5	15	78,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A642	Tân Thành	Dương Thị Hồng	TH Nguyễn Du	21,5	17,75	8,5	26,25	12,5	15	75,25
A645	Đặc khu Côn Đảo	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Trường THCS Lê Hồng Phong	21	20,5	6,5	27	12	14	74
A	Chánh Hưng	Mã Tấn Bữu	TH Nguyễn Trục	23,5	19,25	7,25	26,5	10,75	14,5	75,25

2. Công nhận Hoàn thành “Chương trình rèn luyện Phụ trách Đội Thành phố Hồ Chí Minh”:

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A010	Khánh Hội	Trần Thị Phương Anh	TH Đống Đa	25	18	7,25	25,25	12,25	12,75	75,25
A011	Vườn Lài	Nguyễn Thị Bảo Anh	TiH Điện Biên	22	20,5	7,75	28,25	11,5	13	74,75
A016	Xuyên Mộc	Trần Ngọc Anh	TH Bung Riềng	20	16,75	6	22,75	9	12	63,75
A021	Hòa Bình	Trần Văn Ánh	TH Hòa Bình	18,5	20,5	6,75	27,25	12	12	69,75
A023	Cần Giờ	Lê Văn Ba	TH Cần Thạnh 2	27	20,5	6	26,5	11,75	13	78,25
A026	Bình Tiên	Nguyễn Quốc Bảo	THCS Bình Tây	23,5	18	7	25	11,75	13,5	73,75
A032	Bến Cát	Dương Văn Bình	Tiểu học Tân Hưng	22	17,75	8	25,75	11	13,25	72
A033	Bình Thới	Đặng Y Bình	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc	24,5	23	8,5	31,5	12,25	12,25	80,5
A034	Vĩnh Lộc	Phan Thanh Bình	TH Vĩnh Lộc A	21,5	20,5	8	28,5	10,25	13,5	73,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A038	Củ Chi	Thái Hữu Châu	TH Tân Phú Trung	19	17,25	5	22,25	11,5	13,75	66,5
A054	Bình Hưng	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	THCS Nguyễn Thái Bình	22	18,5	8	26,5	9	12,25	69,75
A056	Bình Khánh	Huỳnh Thị Dum	Trường Tiểu học An Nghĩa	22	20,25	6	26,25	12,75	12,5	73,5
A058	Long Hải	Trần Thị Mai Dung	TH Nguyễn Bình Khiêm	26	20,5	7,5	28	12	12,5	78,5
A061	Phú Hòa Đông	Võ Thị Thanh Dung	Trường THCS Phú Hòa Đông	23	18	9	27	9,5	12	71,5
A064	Xuân Thới Sơn	Huỳnh Quốc Dũng	TH Dương Công Khi	25,5	17,5	9	26,5	12	12	76
A065	An Hội Đông	Phạm Hoàng Duy	TH Võ Thị Sáu	22	21	8,25	29,25	13,5	13	77,75
A066	Nhà Bè	Huỳnh Bảo Duy	Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	24,5	21,5	7,75	29,25	10,5	12,5	76,75
A068	An Khánh	Phạm Thái Duy	TH Nguyễn Thị Tư	21,5	16,75	6	22,75	15	12	71,25
A070	Long Hải	Trần Thị Duyên	THCS Phạm Hồng Thái	27,5	17,25	7,5	24,75	12,25	12,5	77
A074	Minh Thạnh	Nguyễn Thanh Dương	THCS Minh Tân	24,5	21	8	29	11,5	12,5	77,5
A077	Diên Hồng	Huỳnh Tấn Đại	TiH Lê Đình Chinh	24,5	18	6,25	24,25	11,25	13,5	73,5
A080	Bình Mỹ	Nguyễn Tấn Đạt	TH Hòa Phú	24,5	16,75	5	21,75	11,5	14,5	72,25
A088	Ngãi Giao	Nguyễn Minh Đăng	TH Bình Ba	27	17,25	7,5	24,75	11,25	13	76
A089	Phú Định	Hồ Văn Đây	THCS Tùng Thiện Vương	26,5	21,5	8,5	30	9	12	77,5
A091	An Phú Đông	Đào Thiên Định	Tiểu học Phạm Văn Chiêu	25	20,5	7	27,5	13	13,5	79
A093	Long Nguyên	Trần Hùng Đông	TH Long Nguyên	26	18,75	5	23,75	10,25	12	72
A096	An Thới Đông	Phan Xuân Đông	TH Lý Nhơn	24,5	16,75	7,5	24,25	11,25	13,75	73,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A097	Hòa Hưng	Nguyễn Thị Mẫu Đơn	THCS Hòa Hưng	21,5	18,75	6	24,75	11,5	13,25	71
A099	Khánh Hội	Hồ Minh Đức	TH Nguyễn Văn Trỗi	25	21	7	28	12,25	13	78,25
A100	Bình Thạnh	Đặng Phan Hoàng Đức	TH Bạch Đằng	26	19,75	6	25,75	10	14,75	76,5
A102	Bình Hưng Hòa	Nguyễn Minh Em	Tiểu học Lê Trọng Tấn	21,5	21,25	7	28,25	10,75	12,25	72,75
A105	Long Bình	Cao Thị Kiều Giang	Trường tiểu học Tạ Uyên	18,5	21	7,25	28,25	11,75	12,75	71,25
A107	Nhà Bè	Nguyễn Chính Giang	Tiểu học Bùi Thanh Khiết	27	22,25	7	29,25	12,25	12	80,5
A108	Phú Giáo	Lưu Thị Ngọc Giàu	TH Phước Vĩnh B	24	19,25	9,5	28,75	12,5	12	77,25
A110	Minh Thạnh	Đinh Thị Hà	TH Minh Hòa	20	14,25	9,5	23,75	9,25	12	65
A111	Tân Hòa	Trần Thái Hà	TH Trần Văn Ôn	24,5	19,5	9,25	28,75	11,25	12,5	77
A115	Long Hải	Cao Thị Hải	TH Trần Quốc Toàn	22	18,75	7,5	26,25	12	13,75	74
A121	Phú An	Nguyễn Thị Hằng	THCS Trần Bình Trọng	23	19	7	26	11	12	72
A123	Phú Hòa Đông	Lưu Thị Thanh Hằng	Trường TH Phú Hòa Đông	21,5	17,75	7	24,75	9	12,25	67,5
A124	Xuyên Mộc	Phạm Thị Thúy Hằng	THCS Xuyên Mộc	23,5	18	6,5	24,5	10,75	13	71,75
A130	Long Điền	Trương Phúc Hậu	TH Long Liên	28,5	21,5	8,5	30	11,5	12	82
A134	Xuyên Mộc	Lê Văn Hiền	TH Xuyên Mộc	24,5	18,75	6	24,75	10,5	12,5	72,25
A137	Tân Định	Võ Hồng Hiệp	THCS Trần Văn Ôn	24,5	17,5	6	23,5	11	13,5	72,5
A140	An Lạc	Nguyễn Trọng Hiếu	TH Lương Thế Vinh	21	19	7	26	9	12	68
A143	Phú An	Hoàng Thị Hoà	THCS Hiệp An	23	19	7	26	9	14	72
A146	Tân Mỹ	Dương Ngọc Hòa	Tiểu Học Phú Mỹ	18,5	20	6,25	26,25	11	13	68,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trông, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A149	Trung Mỹ Tây	Nguyễn Văn Hoàng	THCS Trần Quang Khải	22	20	7,75	27,75	11	13,5	74,25
A151	Hòa Bình	Trương Quý Mỹ Hoàng	TH Đại Thành	25,5	17	8,25	25,25	9	12	71,75
A152	Rạch Dừa	Lê Thị Diễm Hoàng	TH Chí Linh	22	17,75	5,5	23,25	11,5	12,5	69,25
A156	Đông Hòa	Nguyễn Thị Hồng	THCS Bình Thắng	23,5	21	9,5	30,5	10,25	17,25	81,5
A157	Bình Thới	Trần Văn Hồng	THCS Nguyễn Văn Phú	24,5	15	6,25	21,25	9	12,25	67
A159	Bình Mỹ	Lê Thị Hồng	THCS Bình Hòa	23	14,75	7	21,75	13,5	16,5	74,75
A160	Phước Hòa	Nguyễn Thanh Huế	TH Phước Hòa A	23,5	16,5	6	22,5	11,5	16,75	74,25
A161	Tân Vĩnh Lộc	Thái Lê Huy Hùng	TH An Hạ	23,5	17	6,25	23,25	10,75	12	69,5
A166	Nhà Bè	Trương Văn Huy	Tiểu học Nguyễn Bình	26	16	7,25	23,25	12,25	12	73,5
A167	Cầu Ông Lãnh	Nguyễn Ngọc Cát Huy	THCS Chu Văn An	26	19,5	7,25	26,75	9	13,25	75
A168	Đông Hòa	Nguyễn Thị Huyền	THCS Bình Thắng B	22	18,75	5	23,75	13,25	19,25	78,25
A170	Minh Thạnh	Trịnh Thị Ngọc Huyền	TH Hòa Lộc	23	19,75	5	24,75	9,25	12	69
A171	Xuân Thới Sơn	Nguyễn Hoàng Đặng Ngọc Huyền	TH Nhị Xuân	24,5	19,75	8,75	28,5	13,5	13	79,5
A173	Tân Sơn	Bùi Mỹ Huyền	TH Tân Trụ	19	18	5,5	23,5	11,5	13,25	67,25
A179	Hung Long	Võ Đông Hưng	THCS Hung Long	23,5	18,25	7,75	26	12,25	13	74,75
A180	Vườn Lài	Lê Hồng Hưng	TiH Trần Quang Cơ	24,5	18,25	7,75	26	10	12	72,5
A182	Hung Long	Đoàn Thị Mỹ Hương	THCS Đa Phước	25,5	21,25	7,75	29	12,25	12,75	79,5
A183	Hóc Môn	Kiều Thị Thanh Hương	TH Trương Văn Ngải	26	20	8,25	28,25	14	12	80,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A185	Bắc Tân Uyên	Vũ Thị Hương	TH&THCS Tân Định	21	22,75	5	27,75	10,75	13,5	73
A188	Long Hải	Nguyễn Thị Hường	TH Lê Hồng Phong	21	15,75	7	22,75	11,75	13,5	69
A196	Đông Thạnh	Nguyễn Duy Khánh	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Nuôi	21,5	21,25	9,5	30,75	10,25	16,5	79
A198	Bình Tây	Lâm Quốc Khánh	TH Nguyễn Thiện Thuật	18	18	8	26	10,25	15	69,25
A199	Rạch Dừa	Phạm Đình Khánh	THCS Nguyễn Thái Bình	22	15	8,5	23,5	13	16,25	74,75
A201	Hòa Hưng	Nguyễn Đăng Khoa	TiH Triệu Thị Trinh	21,5	19	7,75	26,75	9	15,25	72,5
A202	Bàn Cờ	Lê Vinh Anh Khoa	Trường TH Lương Định Của	19	17	7,5	24,5	10,75	13	67,25
A204	An Khánh	Đỗ Lê Đăng Khoa	THCS Bình An	21	17,75	8,25	26	15	13,5	75,5
A206	Phước Hải	Lữ Sĩ Khương	TH Phước Hải 3	28	18,25	7,5	25,75	10	17	80,75
A215	Nhà Bè	Huỳnh Thị Kim Lan	Tiểu học Nguyễn Trục	23,5	23,5	9,5	33	11,75	12	80,25
A218	Xóm Chiếu	Tạ Ngọc Lan	TH Bạch Đằng	21,5	16,5	6,5	23	11,25	13,25	69
A222	Bình Dương	Huỳnh Thị Diễm Lệ	THCS Phú Mỹ	24	20	9,5	29,5	11,5	13,5	78,5
A223	Thới An	Nguyễn Tất Lịch	THCS Lương Thế Vinh	18,5	18,5	6	24,5	11,5	13,25	67,75
A225	An Nhơn Tây	Nguyễn Thị Diệu Liên	THCS Phú Mỹ Hưng	24	18,25	8	26,25	14,5	12	76,75
A226	Rạch Dừa	Đào Thị Liên	TH Nguyễn Hữu Cảnh	23	16,25	5	21,25	13,5	13,5	71,25
A232	Tăng Nhơn Phú	Trần Ngọc Gia Linh	THCS và THPT Hoa Sen	20	16,5	7,5	24	10,75	14,75	69,5
A236	Hóc Môn	Nguyễn Khánh Linh	TH Cầu Xáng	26,5	21,75	9	30,75	10	14	81,25
A237	Phú Nhuận	Lê Nguyễn Thùy Linh	THCS Đào Duy Anh	26,5	17,5	5	22,5	12,75	16,5	78,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A239	Củ Chi	Cao Hoài Mỹ Linh	TH Trần Văn Châm	21,5	20,5	9,5	30	9	17,5	78
A240	Bình Đông	Dương Văn Vũ Linh	TH Bùi Minh Trực	23,5	20,75	8	28,75	10,25	14	76,5
A250	Vũng Tàu	Nguyễn Duy Long	THCS Châu Thành	26,5	17	6,5	23,5	11,25	13,5	74,75
A254	An Khánh	Phan Thanh Long	TH An Khánh	21	19,25	8,5	27,75	15	13	76,75
A256	Vĩnh Hội	Trần Hữu Lộc	THCS Nguyễn Huệ	25	19,25	8,5	27,75	10,25	14,5	77,5
A258	Long Phước	Trần Đức Lộc	THCS Long Phước	23,5	20,5	6	26,5	11,75	12	73,75
A261	Bà Điểm	Võ Minh Lợi	THCS Bùi Văn Thủ	21,5	15,5	9,5	25	9,75	12,875	69,125
A262	Long Hòa	Nguyễn Thị Luận	THCS Long Hòa	26	22,25	7	29,25	9,5	12	76,75
A263	Bình Khánh	Lương Quang Luận	Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp	25	17,75	6	23,75	12,75	15,25	76,75
A264	An Khánh	Hồ Thị Ngọc Lự	Trường THCS An Phú	25	18,25	6	24,25	12,5	14,5	76,25
A265	Vĩnh Lộc	Nguyễn Lê Tuyết Lự	THCS Vĩnh Lộc A	21	17,75	6	23,75	11,5	15	71,25
A266	Gia Định	Phan Tấn Lự	TH Lam Sơn	28	17,75	7	24,75	9	12	73,75
A268	Lái Thiêu	Hoàng Thị Lý	THCS Nguyễn Văn Tiết	20	15	7	22	11,5	16	69,5
A269	Long Hải	Lê Thị Xuân Mai	THCS Nguyễn Thị Định	22	17	6,5	23,5	10,75	13,5	69,75
A271	Tăng Nhơn Phú	Trần Thị Trúc Mai	THCS Trần Quốc Toản	22	22,25	8,25	30,5	10,75	13,75	77
A273	Hồ Tràm	Nguyễn Hồng Mai	TH Trần Quốc Toản	21	17,75	7	24,75	12,25	13,75	71,75
A274	Đông Hưng Thuận	Lâm Gia Mẫn	TH Thuận Kiều	20	19	7	26	11,75	17	74,75
A275	Hung Long	Nguyễn Ngọc Minh	Tiểu học Nguyễn Văn Trân	24,5	18,5	8,25	26,75	12	12,75	76

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A279	Gò Vấp	Hà Thị Mùa	Tiểu học Kim Đồng	26	20,25	8,5	28,75	11,5	13	79,25
A291	Long Hòa	Lê Thị Nga	Tiểu học Long Hòa	23	19,25	9	28,25	9,5	12,75	73,5
A293	Bến Cát	Nguyễn Kim Ngân	Tiểu học Lai Hưng	26	20	6	26	10	13,5	75,5
A296	Bến Thành	Nguyễn Thị Hồng Ngân	THCS Đồng Khởi	26	17,25	7,25	24,5	11,25	12	73,75
A298	Bình Mỹ	Vũ Thị Bình Nghi	THCS Hòa Phú	24,5	20	7	27	12,75	13	77,25
A302	Vũng Tàu	Nguyễn Thị Bích Ngọc	THCS Huỳnh Khương Ninh	21	17	6,5	23,5	10,75	13,25	68,5
A306	Xóm Chiếu	Đỗ Thị Mỹ Ngọc	TH Bến Cảng	25,5	21,5	7	28,5	13	13	80
A307	Phú Nhuận	Phan Hoàng Ngọc	Tiểu học Chí Linh	18,5	20	6	26	9	15,25	68,75
A309	Cần Giờ	Nguyễn Thị Hạnh Nguyễn	THCS Long Hoà	23	18	6	24	11,75	13,5	72,25
A310	Tân Hiệp	Bùi Thị Thảo Nguyên	Tiểu học Khánh Bình	22,5	18,25	6	24,25	11	13,25	71
A314	Nhà Bè	Lê Trung Nguyên	THCS Lê Văn Hữu	24	21,75	8	29,75	12	13,25	79
A317	Bình Trưng	Ngô Thị Nguyệt	TH Bình Trưng Đông	25	19,5	6	25,5	10	13,5	74
A323	Vườn Lài	Bùi Việt Nhân	TiH Trương Định	22,5	17,25	6	23,25	11,25	13,75	70,75
A326	Bình Đông	Lê Chủ Nhật	TH Nguyễn Trung Ngạn	22	21,25	7	28,25	11	13,75	75
A328	Bình Trưng	Trần Vân Nhi	THCS Trần Quốc Toàn	22,5	21,75	8	29,75	11,75	13	77
A333	Thới Hòa	Đặng Thành Nhơn	TH Duy Tân	23	21,75	9,5	31,25	11	13,5	78,75
A336	Nhà Bè	Trần Mỹ Nhung	THCS Nguyễn Thị Hương	25,5	17,75	5,75	23,5	12,5	14	75,5
A337	Phước Thắng	Bùi Thị Phương Nhung	THCS Phước Thắng	24	17,25	6	23,25	12,5	17,25	77

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A338	Bình Hưng	Tạ Thị Cẩm Nhung	THCS Trung Sơn	24,5	20,5	5,75	26,25	10,25	14,25	75,25
A343	Phú Thọ	Cao Thị Huỳnh Như	TH Nguyễn Thị Nhỏ	27,5	18,25	6	24,25	12,75	18	82,5
A346	Gia Định	Hoàng Quỳnh Như	TH Bé Văn Đàn	21,5	20	8	28	13	12	74,5
A347	Vườn Lài	Lê Phạm Minh Nhựt	TiH Trần Nhân Tôn	23	20,5	7	27,5	12	12	74,5
A349	Tân Vĩnh Lộc	Đoàn Mi Ni	TH Lại Hùng Cường	22	20,75	6,5	27,25	13	13,5	75,75
A350	Bình Lợi	Ngô Văn Nở	Trường TH Lê Minh Xuân 3	22	16,5	6	22,5	11	15	70,5
A353	Phú Hòa Đông	Phạm Hoàng Oanh	Trường TH Tân Thạnh Đông	20	19,25	7	26,25	9	12	67,25
A357	Long Hải	Bạch Thị Thanh Phu	THCS Trần Nguyên Hân	23	19,25	5,5	24,75	12	13,75	73,5
A358	Thủ Đức	Phan Huỳnh Hoàng Phúc	TH Nguyễn Văn Banh	23	17,75	6	23,75	10	13,75	70,5
A359	Đất Đỏ	Phạm Văn Phúc	TH Võ Thị Sáu	24,5	17	5,5	22,5	13,5	17,75	78,25
A362	Hiệp Phước	Lê Vĩnh Phúc	TH Dương Văn Lịch	26	18,25	8,25	26,5	9	18	79,5
A364	Cầu Kiệu	Trần Hoàng Nguyễn Phúc	THCS Châu Văn Liêm	18	15,75	6	21,75	9	12,25	61
A366	Tân Nhựt	Nguyễn Hoàng Phúc	THCS Tân Kiên	25,5	18	6	24	13	15	77,5
A368	Hiệp Phước	Huỳnh Thanh Phước	THCS Hai Bà Trưng	25,5	18,25	8,75	27	10	13	75,5
A375	Củ Chi	Trần Lê Trúc Phương	TH Tân Tiến	21,5	20	9,5	29,5	12	12,5	75,5
A380	Thuận An	Thái Thị Mỹ Phượng	THCS Nguyễn Trung Trực	21,5	19,75	9	28,75	9,75	13	73
A388	Hóc Môn	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	TH Mỹ Hòa	23,5	20,5	8	28,5	11	12	75
A391	Bình Phú	Nguyễn Từ Anh Sang	Tiểu học Phú Định	18	21,75	7,75	29,5	9	15,25	71,75
A395	Long Điền	Nguyễn Thị Ngọc Sáng	TH Long Điền	27,5	19	5,5	24,5	11,5	12	75,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A398	Thới An	Đặng Thị Siêm	THCS Nguyễn Trung Trực	21	20,75	7,25	28	10,75	12,25	72
A399	Phú Giáo	Nông Cao Sơn	THCS Nguyễn Trãi	23,5	22	8	30	9	15,5	78
A404	Cần Giờ	Phạm Tiến Sỹ	TH Đồng Hoà	21	16,75	7,5	24,25	10,25	14,25	69,75
A407	Linh Xuân	Lê Minh Tài	TH Nguyễn Văn Nở	19	18,25	5,25	23,5	10,75	12,25	65,5
A409	Tân An Hội	Nguyễn Minh Tài	TH Nguyễn Thị Rành	20	19,5	8	27,5	11,25	12	70,75
A413	Linh Xuân	Châu Văn Ngọc Tâm	THCS Linh Trung	21	21,5	5,25	26,75	12	12,25	72
A414	Hiệp Phước	Nguyễn Huỳnh Minh Tâm	TH Trang Tấn Khương	19	21,75	5,25	27	9,5	14	69,5
A417	Bình Thới	Trần Việt Tân	Tiểu học Phùng Hưng	23	23	6,75	29,75	12,25	12,75	77,75
A418	Hòa Bình	Phan Thanh Tấn	THCS Lê Quý Đôn	21	20	7	27	10,5	12	70,5
A420	Phú Hòa Đông	Đặng Mộc Thạch	Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2	21,5	21	9	30	10	12	73,5
A421	Tân Sơn Nhất	Hồ Đình Thạch	THCS Tân Bình	20,5	17,5	6,75	24,25	9,25	12	66
A424	An Khánh	Nguyễn Quang Thái	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	21	19,25	6,75	26	9	12,5	68,5
A425	Khánh Hội	Phạm Duy Thanh	TH Lý Nhơn	22,5	19,5	6	25,5	12,25	12,25	72,5
A428	Bàu Bàng	Phạm Thị Hoài Thanh	TH Bàu Bàng	27	19,25	7	26,25	10	13,625	76,875
A430	An Hội Tây	Trần Quốc Thanh	TH Lê Quý Đôn	21	17,75	7,25	25	13	12	71
A433	Đông Hưng Thuận	Nguyễn Ngọc Thanh	THCS Nguyễn Ảnh Thủ	25	21,75	7	28,75	9,5	16,5	79,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A444	Phú Hòa Đông	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Trường THCS Tân Thạnh Đông	23,5	18,25	6	24,25	9	12	68,75
A448	Tân Sơn Nhất	Vũ Thị Thanh Thảo	TH Hoàng Văn Thụ	20	22,25	6,75	29	11,25	13	73,25
A453	An Long	Phạm Hồng Thẩm	TH&THCS An Linh	26,5	21,25	9	30,25	9	13	78,75
A454	Tân Sơn Nhất	Nguyễn Thị Hồng Thẩm	TH Bành Văn Trân	25,5	19,25	5	24,25	12	13	74,75
A455	Đông Hòa	Doãn Thắng	THCS Đông Hòa	22,5	16,25	8	24,25	10	13,25	70
A463	Thái Mỹ	Trần Chí Thiện	Trường Tiểu học Phước Thạnh	23,5	18	7,75	25,75	13	12,5	74,75
A466	Tân Mỹ	Nguyễn Quốc Thịnh	THCS Hoàng Quốc Việt	19,5	15,5	5,5	21	10,5	12,75	63,75
A467	Đất Đỏ	Trần Phước Thọ	THCS Phước Thạnh	27,5	18	5	23	11	17,75	79,25
A468	Nhà Bè	Ché Minh Thọ	Tiểu học Tạ Uyên	26	22,5	8	30,5	11,75	12	80,25
A473	Tân Hưng	Ngô Ngọc Gia Hân	TH Tân Quy	21	21,5	7	28,5	11	12,5	73
A482	Nhà Bè	Nguyễn Thị Thu Thúy	Tiểu học Lâm Văn Bền	21	19,5	5,25	24,75	12	12,25	70
A485	Phú Định	Huỳnh Thị Cẩm Thúy	TH Tuy Lý Vương	24	21	5,25	26,25	9	13	72,25
A488	Bà Điểm	Đỗ Thị Kim Thuy	Trường THCS Nguyễn Văn Bứa	21	22,25	5,25	27,5	10,75	12,625	71,875
A491	An Lạc	Võ Văn Thức	TH An Lạc 1	21,5	17,5	5	22,5	14,5	13,5	72
A493	Long Nguyên	Kha Thị Thương	THCS Long Bình	24,5	17,75	7	24,75	12,25	12	73,5
A494	Đông Hưng Thuận	Lê Thị Thương	TH Nguyễn Thị Minh Khai	20,5	19,75	9,25	29	9,5	15,75	74,75
A495	Phường Nhiều Lộc	Nguyễn Thị Hoài Thương	TH Nguyễn Thi	23	18,75	5	23,75	9,5	12,5	68,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A499	Phú Thọ Hoà	Phạm Hoàng Gia Thy	TH Tân Thới	26	17,5	5	22,5	12	17,5	78
A500	An Thới Đông	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	TH Doi Lâu	23,5	18,75	5	23,75	11,5	14,75	73,5
A508	Long Điền	Lê Thị Tím	THCS Huỳnh Tịnh Của	25	19,75	8,5	28,25	11,25	12,5	77
A509	Bình Trưng	Nguyễn Thị Mỹ Vân	TH Nguyễn Hiền	18,5	21	9,5	30,5	14,25	15	78,25
A514	Xuyên Mộc	Lê Thanh Trà	THCS Bông Trang	23	20,25	8,5	28,75	11,25	12	75
A519	Gia Định	Đỗ Ngọc Thu Trang	TH Tô Vĩnh Diện	23	19,5	5	24,5	9	12	68,5
A520	An Khánh	Huỳnh Kim Trang	TH An Bình	24	19,75	5	24,75	13,5	12	74,25
A521	Bà Điểm	Nguyễn Thị Thùy Trang	Trường Tiểu học Xuân Thới Thượng	22,5	22	9,5	31,5	13,25	13,25	80,5
A532	Phú Nhuận	Trần Minh Trí	Tiểu học Đặng Văn Ngữ	23,5	18	6	24	11,5	16,5	75,5
A533	Tân Sơn Nhất	Nguyễn Thị Thu Trí	THCS Âu Lạc	24	17	6	23	11	12	70
A536	Hiệp Phước	Đặng Huỳnh Phương Trinh	TH Lê Lợi	23	19,25	6,75	26	10	14	73
A542	Phú Định	Nguyễn Thị Ánh Trúc	THCS Lê Lai	25	19,75	7,25	27	13	12	77
A544	Củ Chi	Nguyễn Trần Thanh Trúc	TH Tân Phú	25	15,25	7	22,25	11,75	12,25	71,25
A548	Nhà Bè	Phạm Thành Trung	Tiểu học Bùi Văn Ba	26,5	21,5	9,5	31	12,25	13,75	83,5
A549	Bà Rịa	Nguyễn Văn Trung	THCS Phước Hưng	26	19,5	8	27,5	10,75	13,375	77,625
A551	Bình Trưng	Tạ Trung Trường	TH Nguyễn Văn Trỗi	24	16,5	6,75	23,25	11,25	16,25	74,75
A554	Bến Thành	Nguyễn Dương Quang Trường	TH Nguyễn Huệ	21	16,25	6,25	22,5	10,25	13	66,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A555	Tân Vĩnh Lộc	Phạm Minh Tú	TH Võ Văn Vân	23,5	15,75	5,5	21,25	11,5	14,75	71
A558	Tân Thới Hiệp	Trần Văn Tuấn	Tiểu học Nguyễn Trãi	22	16,75	6,5	23,25	12,5	15,25	73
A560	Bình Chánh	Nguyễn Anh Tuấn	Tiểu học An Phú Tây	22	16	8	24	13,25	16,25	75,5
A561	Phú An	Đỗ Anh Tuấn	Tiểu học Hồ Hảo Hớn	27	21,5	7	28,5	9,5	12	77
A564	Nhà Bè	Võ Anh Tuấn	Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	23	20,25	9,5	29,75	11,75	12,5	77
A568	Bình Khánh	Nguyễn Văn Tuấn	Trường THCS Tam Thôn Hiệp	24	16,75	5	21,75	13,25	13,25	72,25
A572	Tam Bình	Huỳnh Thị Kim Tuyền	TH Bình Chiểu	21	16,5	6,25	22,75	12,75	13	69,5
A573	Gò Vấp	Phạm Thị Kim Tuyền	THCS Quang Trung	24,5	16,5	6	22,5	13	14	74
A575	Thới Hòa	Võ Thị Kim Tuyền	TH Thới Hòa	27	20,5	9	29,5	9,5	12	78
A579	Cát Lái	Đinh Hữu Tường	THCS Cát Lái	22,5	16	6,25	22,25	11,5	12,25	68,5
A580	Thạnh An	Quãng Hữu Tường	THCS – THPT Thạnh An	21	15,25	6	21,25	10	16,25	68,5
A581	Tân Nhựt	Nguyễn Tường	TH Tân Nhựt	21,5	16,5	5	21,5	12,75	15	70,75
A582	Phú Định	Nguyễn Văn Út	TH Lưu Hữu Phước	23	16,5	7	23,5	12,5	12	71
A583	An Thới Đông	Nguyễn Thị Ngọc Uyên	TH Vàm Sát	22,5	16,5	7	23,5	12,25	15,75	74
A584	Vĩnh Hội	Nguyễn Thị Thuý Vi	TH Nguyễn Huệ 1	26,5	16,5	6,5	23	10,5	14	74
A585	Trung Mỹ Tây	Nguyễn Văn Viên	TH Trần Quang Cơ	23	18	6,75	24,75	10	14,75	72,5
A587	Ngã Giao	Phan Ngọc Vinh	TH Nguyễn Thị Minh Khai	22	20,25	9,5	29,75	11,25	13	76
A589	Gia Định	Bùi Văn Vĩnh	THCS Điện Biên	22,5	20,75	8	28,75	9	12	72,25
A590	Long Sơn	Nguyễn Tấn Vũ	Tiểu học Long Sơn 1	20,5	18,75	9,5	28,25	10,25	12,75	71,75

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kê hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
A597	An Lạc	Phan Tấn Minh Vũ	TH Bình Trị 2	23,5	16,25	5	21,25	14,5	14	73,25
A608	Phú Lợi	Vi Văn Phước	TH Phú Hòa 3	23,5	15,25	7	22,25	12	18,25	76
A610	Phú Lợi	Nguyễn Thanh Bình	TH Phú Hòa 2	24,5	16,25	8	24,25	9	14,75	72,5
A612	Phú Lợi	Nguyễn Minh Vũ	TH Phú Lợi	22,5	18,75	6	24,75	10,25	16,75	74,25
A614	Nhiều Lộc	Nguyễn Ngọc Thu Vân	THCS Lương Thế Vinh	18,5	14,25	7,25	21,5	11,75	15,75	67,5
A617	Thanh Mỹ Tây	Trương Hoàn Phúc	TH Cửu Long	23	17,75	7,25	25	10	15,25	73,25
A626	Phường Phú Thạnh	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	TH Âu Cơ	24	15,75	5,5	21,25	12,5	14,5	72,25
A627	Phường Phú Thạnh	Trương Thị Quỳnh Anh	THCS Tân Thới Hòa	19	21,5	5	26,5	10,5	14,25	70,25
A629	Phú Thuận	Nguyễn Thị Giàu	TH Nguyễn Văn Hưởng	23,5	16,75	6,5	23,25	12,25	14,5	73,5
A632	Minh Phụng	Trần Thị Thu Hằng	TH Phạm Văn Hai	21,5	17,75	7	24,75	9	14	69,25
A633	Minh Phụng	Nguyễn Thị Nhí	TH Âu Cơ	23	17	6,5	23,5	12	13,5	72
A635	Bàn Cờ	Đỗ Khánh Duyên	THCS Kiến Thiết	20,5	16,25	6,25	22,5	10,5	13,25	66,75
A636	Bàn Cờ	Lê Hoàng Dung	Tiểu học Nguyễn Sơn Hà	22	15,75	6,25	22	9	12	65
A643	Bàu Lâp	Hoàng Thị Mỹ Sa	TPT trường THCS Bàu Lâp	24	18,5	8	26,5	12,5	13	76
A644	Bàu Lâp	Nguyễn Thị Tâm	TPT trường THCS Tân Lâp	23,5	18,75	8,5	27,25	12,5	12,5	75,75
A646	Phước Thắng	Mai Ánh Ngọc	TH Hải Nam	23,5	15,25	6,5	21,75	12	17,5	74,75
A	Bình Hòa	Hồ Thị Quý	Tiểu học Bình Hòa	26	19	7	26	9	13	74



KẾT QUẢ CÔNG NHẬN BẢNG B

Đính kèm Thông báo số 228-TB/TĐTN ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Thành Đoàn về việc công bố kết quả công nhận các danh hiệu và Chương trình tổng kết, trao giải Hội thi Phụ trách Đội giỏi Thành phố - “Olympic Cánh én” lần thứ 15 - Năm 2026 và kỷ niệm Hành trình 15 mùa Cánh én)

1. Công nhận Danh hiệu “Tổng phụ trách Đội giỏi Thành phố Hồ Chí Minh”:

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiên thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trồng, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B001	Cát Lái	Phạm Tường An	TH Trương Thế Vinh	22,5	19,75	5,75	25,5	11,75	15	74,75
B004	Tân Phú	Nguyễn Thị Quế Anh	THCS Thoại Ngọc Hầu	21	18,75	6	24,75	12	15,25	73
B006	Hòa Hưng	Trần Công Bão	TiH Bắc Hải	25	21,25	7,25	28,5	12,75	14,5	80,75
B008	Long Bình	Nguyễn Viết Thiên Ân	Trường THCS Long Bình	23,5	18,5	9,5	28	12	14	77,5
B009	Cầu Kiệu	Nguyễn Văn Bình	TH Đông Ba	25	20,75	7,5	28,25	12,75	14,75	80,75
B010	Đông Thạnh	Đặng Châu Bích Ngọc	Trường THCS Đông Thạnh	23	20	9,5	29,5	11,75	17	81,25
B012	Tăng Nhơn Phú	Nguyễn Lê Hồng Cẩm	THCS Tăng Nhơn Phú B	22	20,5	6,5	27	11,5	15,25	75,75
B013	Bình Thạnh	Nguyễn Quang Bảo Chấn	TH Trần Quang Vinh	21	19,5	6,5	26	11	16	74
B014	Đức Nhuận	Lê Đặng Minh Châu	Tiểu học Hồ Văn Huê	23,5	20	6,5	26,5	12,5	14	76,5
B015	Bình Tân	Phan Quốc Chí	Tiểu học Tân Tạo	26,5	20,75	7,25	28	14	16,25	84,75
B021	Chợ Lớn	Phan Lê Minh Duy	Trường Tiểu học Chính Nghĩa	23,5	20,5	6,75	27,25	13,5	15,5	79,75
B033	Bảy Hiền	Thích Ngọc Gia Hân	TH Lê Thị Hồng Gấm	21,5	19,75	8	27,75	10,5	14	73,75
B035	Long Bình	Võ Công Hiếu	Trường tiểu học Long Bình	24,5	19,5	7,5	27	12	14	77,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B036	Phường Tân Tạo	Hồ Minh Hoàng	THCS Tân Tạo A	24	20,25	8	28,25	13,25	14	79,5
B038	Tân Nhựt	Lê Hoàng Huy	THCS Tân Nhựt	22	19,5	7,5	27	12,25	15,75	77
B041	Củ Chi	Nguyễn Thị Huyền	THCS Tân Thông Hội	21	21	7	28	13,75	15,25	78
B046	Tân Bình	Hoàng Long Khánh	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	23	22,5	7	29,5	12	14	78,5
B049	Tăng Nhơn Phú	Y My La	Tiểu học Phong Phú	22,5	18,25	7,25	25,5	12	15,25	75,25
B050	Bình Hưng	Nguyễn Vũ Ngọc Lánh	TH Bình Hưng	21	18,5	6	24,5	10,5	16,25	72,25
B055	Bình Tân	Võ Minh Luân	Tiểu học Hoàng Văn Thụ	22	21,5	5,75	27,25	13,25	14,75	77,25
B059	Tân Nhựt	Lê Văn Minh	THCS Nguyễn Hữu Trí	23	22,5	7,25	29,75	12,25	14	79
B062	Chợ Quán	Phạm Thị Nga	Trung học Thực hành Sài Gòn	21,5	23,25	7	30,25	14	18,5	84,25
B064	Bình Tiên	Bùi Nguyễn Kim Ngân	TH Nguyễn Huệ	25,5	22,75	7,25	30	11,5	17	84
B066	Long Trường	Nguyễn Đức Nghĩa	TH Phú Hữu	23	22,25	5,75	28	11,75	14	76,75
B068	Bến Thành	Trương Thành Nguyên	TH Khai Minh	22,5	21,25	6,25	27,5	12,25	14,75	77
B070	Hóc Môn	Vĩ Giao Kỳ Nguyên	THCS Nguyễn An Khương	26,5	19,5	6	25,5	14	14	80
B071	Chợ Lớn	Phan Hoàng Nhi	Trường THCS Mạch Kiếm Hùng	21,5	21,75	7	28,75	13,5	16,75	80,5
B077	Bình Tiên	Lê Thanh Châu Phi	TH Phạm Văn Chí	25,5	20	8	28	11,75	14	79,25
B078	Bình Chánh	Phạm Hữu Phúc	THCS Tân Quý Tây	27,5	20,5	7,5	28	13,5	18	87
B081	Tân Nhựt	Hà Hồng Phúc	THCS Tân Túc	22	20,75	8	28,75	12,25	14,5	77,5
B082	An Đông	Mã Thị Kim Phụng	Tiểu học Huỳnh Mẫn Đạt	23	22	8	30	15	14	82
B083	An Đông	Ngô Kim Phụng	Tiểu học Phạm Hồng Thái	21,5	23,5	8	31,5	12	17	82

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B085	Bình Hưng Hòa	Lê Thị Hồng Phượng	Th. Bình Long	22,5	21,5	8	29,5	10,5	14	76,5
B087	Chợ Lớn	Nguyễn Anh Quốc	Trường THCS Trần Bội Cơ	24,5	21,75	7	28,75	12	16,75	82
B088	Bình Tây	Hoàng Thị Ngọc Quỳnh	THCS Hoàng Lê Kha	24,5	20	8	28	13,25	15,5	81,25
B089	Cát Lái	Nguyễn Phước Thùy Linh	TH Mỹ Thủy	25	22,75	6	28,75	12	15,75	81,5
B095	Tân Phú	Nguyễn Văn Tây	TiH, THCS & THPT Hòa Bình	25	19,25	7,5	26,75	12,75	15	79,5
B098	Bàn Cờ	Đỗ Lê Phương Thanh	Trường THCS Bàn Cờ	27,5	19	8	27	12,25	14	80,75
B099	Bảy Hiền	Nguyễn Trường Thắng	TH Trần Quốc Tuấn	23,5	16,75	8	24,75	10,5	14	72,75
B100	Phước Long	Trần Phùng Bích Thủy	Tiểu học Trần Thị Bưởi	23,5	19,75	8	27,75	12,5	16,75	80,5
B101	Bến Cát	Phạm Công Thiện	THCS Mỹ Thạnh	25,5	20,75	9	29,75	11,25	14	80,5
B103	Bình Trung	Son Thị Hồng Thúy	TH An Phú	25	21	8	29	12	14,5	80,5
B108	Bàn Cờ	Vũ Thái Phước Trí	Trường TH Phan Đình Phùng	23,5	16,75	7,75	24,5	10,75	16	74,75
B114	Bình Lợi Trung	Trần Nguyễn Anh Tú	THCS Nguyễn Văn Bé	26,5	22,75	9,5	32,25	11,75	15,75	86,25
B115	Thủ Đức	Nguyễn Hoàng Tuấn	TH Linh Chiểu	27,5	22,75	9	31,75	11,5	16,75	87,5
B117	Bình Tân	Tống Thị Thanh Tuyền	THCS Huỳnh Văn Nghệ	26	17,75	7,25	25	13,25	15,75	80
B118	Thông Tây Hội	Nguyễn Thị Kim Tuyền	TH Lương Thế Vinh	21,5	19,75	7,5	27,25	13	17,25	79
B119	Phú Thọ Hoà	Phạm Hoàng Cát Tường	TH Tân Hương	21,5	19,25	6,25	25,5	11,75	18	76,75
B120	Phước Long	Phan Hà Thuý Uyên	THCS Đặng Tấn Tài	21,5	20	6,25	26,25	11,5	17	76,25
B123	Phú Thọ Hoà	Trần Hoàng Khánh Vân	TH Lê Văn Tám	21	19,75	6,5	26,25	12,5	16,75	76,5
B124	An Khánh	Nguyễn Tấn Linh Vân	TH Huỳnh Văn Ngõ	21,5	21	7	28	13	15,5	78
B128	Thạnh Mỹ Tây	Tạ Thị Thùy Trang	TH Phù Đổng	25,5	19	7,25	26,25	12,5	15,75	80

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B129	Hạnh Thông	Lưu Đức Linh	TH Trần Văn Ôn	22,5	22	7,75	29,75	12,5	17	81,75
B130	Phường Phú Thạnh	Vương Thị Thu Hiền	TH Võ Thị Sáu	26	20,55	6,75	27,3	13,5	14	80,8
B131	Bình Trị Đông	Trần Minh Sáng	THCS Bình Trị Đông	23	19	7,25	26,25	11,5	15	75,75
B132	Vũng Tàu	Nguyễn Thị Mai Loan	TH Nguyễn Thái Học	23,5	17,5	7	24,5	11,5	14,75	74,25

2. Công nhận Hoàn thành “Chương trình rèn luyện Phụ trách Đội Thành phố Hồ Chí Minh”:

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B002	Đức Nhuận	Đặng Đình Bảo An	THCS Độc Lập	27	23	7,75	30,75	11,5	12	81,25
B003	Long Trường	Nguyễn Hưng An	THCS Phú Hữu	23	20,5	7	27,5	10,75	13	74,25
B005	Phú Hòa Đông	Phan Thị Tú Anh	Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây	22	19,25	7	26,25	10	12	70,25
B017	Phường Tân Tạo	Hồ Minh Cường	Trường Tiểu học Tân Tạo A	24,5	21,25	6	27,25	10,5	13	75,25
B018	Hưng Long	Nguyễn Khánh Duy	TH Rạch Già	22,5	21	7,5	28,5	12,25	12,5	75,75
B023	Phú Định	Phan Nhựt Đức	TH Trần Nguyên Hãn	23,5	18,75	6,75	25,5	9	12	70
B026	Thủ Đức	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	THCS Trương Văn Ngu	19,5	21	5,25	26,25	11,25	14	71
B027	Phú Hòa Đông	Lê Trần Hương Giang	Trường Tiểu học -THCS Tân Trung	19,5	17,25	9,5	26,75	11	12	69,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B028	Củ Chi	Nguyễn Thị Hương Giang	TH Phan Văn Khải	27	21,5	8	29,5	9	12,75	78,25
B040	Bình Tiên	Nguyễn Thị Huyền	Trường Tiểu học Hùng Vương	21	20,75	7,5	28,25	11,25	12,25	72,75
B042	Đông Thạnh	Trần Mộng Huyền Linh	Trường Tiểu học Tam Đông 2	24	22,25	9	31,25	9,25	15,5	80
B044	Thủ Dầu Một	Lê Thị Huyền	THCS Phú Cường	23,5	19,5	8	27,5	9,5	13,75	74,25
B048	Tân Vĩnh Lộc	Phạm Trường Kỳ	TH Trần Quốc Toản	21,5	21,25	7,25	28,5	12,25	13,25	75,5
B053	Cầu Ông Lãnh	Nguyễn Lê Phi Long	TiH Chương Dương	21	21,25	7,5	28,75	9	15	73,75
B054	Nhà Bè	Võ Tấn Lợi	THCS Nguyễn Văn Quỳ	24	20,5	7,25	27,75	11,5	12	75,25
B056	Tăng Nhơn Phú	Nguyễn Thị My Ly	Tiểu học Tân Phú	24,5	21,25	7,25	28,5	11,5	12,75	77,25
B057	Tân Nhựt	Kiều Hùng Mạnh	TH Tân Nhựt 6	23	21,75	6,5	28,25	10,25	12,25	73,75
B058	Long Hải	Dương Thị Mai	TH Võ Văn Kiệt	20,5	15,25	7	22,25	11,5	12	66,25
B060	Tân An Hội	Phạm Nguyễn Quốc Minh	TH Tân Thành	22	19,75	9,5	29,25	11,75	12,5	75,5
B061	Tân An Hội	Võ Ngọc Minh	THCS Phước Hiệp	23	19	9,5	28,5	11,5	13,25	76,25
B065	Thủ Dầu Một	Võ Huỳnh Thanh Nga	THCS Chánh Nghĩa	22,5	17	5	22	10,5	15	70
B067	Chợ Lớn	Hà Hào Nghiệp	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân	25	22,25	7,25	29,5	9,25	12,5	76,25
B072	Tăng Nhơn Phú	Phạm Huỳnh Như	THCS Tân Phú	23,5	18,75	5,5	24,25	10,75	12,5	71
B075	Hóc Môn	Nguyễn Văn Phát	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	26,5	20,75	8	28,75	9	12	76,25
B076	Củ Chi	Võ Tấn Phát	TH Tân Thông Hội	21	16	7	23	11,5	14,25	69,75
B090	Tăng Nhơn Phú	Thống Phước Quyền	Tiểu học Đinh Tiên Hoàng	25,5	18,25	9,5	27,75	10,75	13,5	77,5
B093	Tân Hiệp	Nguyễn Hoàng Sơn	Tiểu học Tân Hiệp	20	16,75	7	23,75	10,75	12	66,5

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
B094	Bến Thành	Đoàn Lê Sơn	THCS Nguyễn Du	25	22,5	8	30,5	10,5	12,75	78,75
B096	Bình Mỹ	Nguyễn Tâm	TH Bình Mỹ	23,5	15,75	7	22,75	14	15,25	75,5
B102	Hóc Môn	Dương Hồng Thôm	THCS Đỗ Văn Dậy	26,5	21,75	9,5	31,25	9	14	80,75
B105	Nhà Bè	Nguyễn Thị Kim Trang	THCS Nguyễn Bình Khiêm	23	19,5	7,5	27	12	12,5	74,5
B106	Bàn Cờ	Hoàng Ngọc Quỳnh Trâm	Trường TH Nguyễn Thiện Thuật	22	15,5	7,5	23	9	12	66
B107	Bàn Cờ	Trần Thị Quế Trâm	Trường THCS Phan Sào Nam	19,5	17	7,5	24,5	11,75	14	69,75
B109	Tân An Hội	Phạm Trần Quế Trâm	TH Thị Trấn Củ Chi	18,5	18	9,5	27,5	9,75	12,25	68
B110	Nhà Bè	Huỳnh Minh Trung	TH Nguyễn Hồng Thê, xã Nhà Bè	20	15,5	7,5	23	10,5	12	65,5
B111	Bình Phú	Đặng Hiếu Trung	THCS Nguyễn Thái Bình	18,5	16	7,75	23,75	11,5	12	65,75
B113	Khánh Hội	Huỳnh Anh Tuấn	THCS Chi Lăng	20,5	17,25	6,75	24	11	14,75	70,25
B116	Bình Hưng Hòa	PHẠM THANH TÙNG	Trường THCS Nguyễn Trãi	19,5	17,25	6,75	24	11,5	12,75	67,75
B121	Tăng Nhơn Phú	Bùi Thị Ái Vân	Tiểu học Hiệp Phú	21	19	5,25	24,25	11,25	13	69,5
B126	Thạnh Mỹ Tây	Cổ Trung Nam	TH Đống Đa	21	17,25	7,25	24,5	11,25	13	69,75
B127	Thạnh Mỹ Tây	Lâm Quỳnh Như	THCS ĐÔNG ĐA	18,5	14,75	6,25	21	10,5	12,5	62,5



KẾT QUẢ CÔNG NHẬN BẢNG C

(Đính kèm Thông báo số 228-TB/TDTN ngày 07/5/2026 của Ban Thường vụ Thành Đoàn về việc công bố kết quả công nhận các danh hiệu và Chương trình tổng kết, trao giải Hội thi Phụ trách Đội giỏi Thành phố - “Olympic Cánh én” lần thứ 15 - Năm 2026 và kỷ niệm Hành trình 15 mùa Cánh én)

1. Công nhận Danh hiệu “Phụ trách Đội giỏi Thành phố Hồ Chí Minh”:

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trông, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
C06	Nhà Bè	Đặng Gia Bảo	CLB phụ trách thiếu nhi Nhà Bè	25	20,75	7,5	28,25	12	15,5	80,75
C15	An Nhơn Tây	Nguyễn Văn Hồng	CLB phụ trách thiếu nhi An Nhơn Tây	24,5	19,25	7	26,25	12,75	15,5	79
C19	Chợ Lớn	Lục Văn Kiệt	TT C.Ứ DV Công Chợ Lớn	25,5	23,25	6,25	29,5	13,5	15,5	84
C20	Phú Định	Trần Phương Linh	Khu Phố 22	21,5	18,5	6,25	24,75	11,25	17,5	75
C22	Cầu Kiệu	Lê Trần Kim Linh	Phụ trách thiếu nhi Cầu Kiệu	23,5	23,25	6,75	30	12,75	14	80,25
C24	Khánh Hội	Nguyễn Thiên Nam	CLB Phụ trách Thiếu nhi (Khu phố 6)	22	16,75	8	24,75	10,5	14	71,25
C26	Phú Định	Trần Huỳnh Minh Nghĩa	Khu Phố 25	23	20,5	7,75	28,25	11,25	15	77,5
C29	Khánh Hội	Đặng Ngọc Thảo Nguyên	CLB Phụ trách Thiếu nhi (Khu phố 10)	21	22,75	6	28,75	12	16	77,75
C31	Hòa Hưng	Trịnh Phương Nhi	Đoàn Hòa Hưng	25	22	7	29	12,75	15	81,75
C34	An Phú Đông	Trần Hoàng Phú Quý	CLB phụ trách thiếu nhi	21	22,25	6,75	29	13,5	16	79,5
C37	Chợ Lớn	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	TT C.Ứ DV Công Chợ Lớn	26	23,5	7,25	30,75	12	15,5	84,25

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
C38	Phước Thắng	Nguyễn Thị Phương Thảo	Hội đồng đội Phước Thắng	21	17,25	9	26,25	12,75	14	74
C45	Phường Nhiêu Lộc	Phạm Đức Tín	Chi đoàn Khu phố 47	23	18,5	7,5	26	11,25	14,5	74,75
C48	Bảy Hiền	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	CLB Phụ trách thiếu nhi Bảy Hiền	21,5	19,75	7,25	27	12,75	15	76,25
C51	An Hội Tây	Hồ Nguyễn Châu Trí	CLB Phụ trách thiếu nhi An Hội Tây	23	18,25	6,75	25	12	16	76
C59	Nhà Bè	Phan Nguyễn Ngọc Xuân	CLB phụ trách thiếu nhi Nhà Bè	24,5	18,5	6,5	25	13,5	16	79

2. Công nhận Hoàn thành “Chương trình rèn luyện Phụ trách Đội giỏi Thành phố Hồ Chí Minh”:

SBD	Phường/ xã/ đặc khu	Họ và tên	Trường/ Đơn vị	Nội dung thi 1: Kiến thức (30đ)	Nội dung thi 2: Giảng dạy và thực hành Nghi thức, Nghi lễ Đội (35đ)			Nội dung thi 3: Kế hoạch bài dạy (15đ)	Nội dung 4: Giải pháp nâng cao công tác Đội (20đ)	Tổng điểm Chương trình 1 (100đ)
					Nghi thức (25đ)	Trống, kèn (10đ)	Tổng điểm (35đ)			
C16	Bàn Cờ	Trần Tuấn Huy	Khu Phố 14	23	20,25	7,5	27,75	12	12	74,75
C23	Khánh Hội	Võ Ngọc Mai	CLB Phụ trách Thiếu nhi	20	20	6,75	26,75	10,5	14	71,25
C25	Nhà Bè	Dương Bảo Ngân	CLB phụ trách thiếu nhi Nhà Bè	21	16	7,75	23,75	12,75	14	71,5
C41	Khánh Hội	Huỳnh Ngọc Bích Thuý	CLB Phụ trách	21	15	8	23	12	14,5	70,5